

Luận điểm “băng hoại hoàn toàn” của Calvin

Lê Anh Huy



1- Hai loại con cái:

Sau sự Sa Ngã của A-đam, tội lỗi đi vào thế gian: “*như bởi một người mà tội lỗi vào trong thế gian...*” (Rô-ma 5:12). Hậu quả của tội lỗi là sự chết: “*...lại bởi tội lỗi mà có sự chết...*” (Rô-ma 5:12). Sự chết ở đây gồm có sự chết thuộc thể và sự chết thuộc linh, tức là sự cách ly đời đời khỏi Đức Chúa Trời.

Trong các thế hệ sau A-đam, ngay khi tinh trùng của người cha gặp trứng của người mẹ để hoài thai ra một đứa bé, mầm tội lỗi đã được cấy vào bào thai. Như tác giả Thi Thiên đã viết, tất cả chúng ta bị hoài thai trong tội lỗi (Thi Thiên 51:5). Chúng ta không có ý nói mọi người là sản phẩm của các mối tình vụng trộm ngoại hay tiền hôn nhân, hay là sản phẩm của sự hiếp dâm, loạn luân, v.v. nhưng là tất cả chúng ta là tội nhân bẩm sinh; nghĩa là khi sinh ra đã là tội nhân. Một tội nhân, mặc dù thể chất còn đang sống, linh hồn đã chết rồi, nghĩa là đã cách ly với Đức Chúa Trời. Bản chất của một tội nhân là làm tội. Không phải chúng ta trở thành tội nhân vì chúng ta phạm tội, nhưng chúng ta phạm tội vì khi sinh ra đã là tội nhân. Không phải ăn thịt một con thú mới trở nên con cạp, nhưng con cạp không ăn gì khác hơn là ăn thịt, vì bản chất của cạp là ăn thịt.

Dù vậy, một tội nhân vẫn là “con cái của Đức Chúa Trời” về mặt tạo dựng. Sách Lu-ca liệt kê gia phả của Đức Chúa Jesus, đi từ ông Giô-sép lên đến Đức Chúa Trời: “*...Ngài là con Giô-sép, Giô-sép con Hê-li, ... Cai-nam con Ê-nót, Ê-nót con Sết, Sết con A-đam, A-đam con Đức Chúa Trời*” (Lu-ca 3:23-38). Trong gia phả này, có người được cứu có người không, nhưng mọi người đều là con cái Đức Chúa Trời theo nghĩa tạo dựng. Về nghĩa thuộc linh, con cái loài người được xếp vào hai hạng: Con cái Đức Chúa Trời và con cái của ma quỷ. Không có hạng nào đứng ở giữa. Giảng dạy Cơ-đốc nhân phân biệt hai loại này: “*...con cái Đức Chúa Trời và con cái ma quỷ: ai chẳng làm điều công bình là không thuộc về Đức Chúa Trời, kẻ chẳng yêu anh em mình cũng vậy*” (1 Giăng 3:10). Khi một người được cứu, người đó đang là con cái ma quỷ trở thành con cái Đức Chúa Trời, từ tối bước qua sáng, từ sự chết bước qua sự sống, theo như Giăng mô tả: “*...ai nghe lời Ta mà tin Đấng đã sai Ta... vượt khỏi sự chết mà đến sự sống*” (Giăng 5:24). Hai thế giới thuộc linh này đã được tác giả bàn tới trong bài [1].

2- Tình trạng băng hoại của loài người chưa được cứu:

Khi đang còn ở bên kia của sự sống, một người là nô lệ cho tội lỗi: “*...làm tôi mọi tội lỗi*” (Rô-ma 6:20). Một nô lệ dù có ý riêng, nhưng không thể làm theo ý của mình mà là của chủ nô. Vì vậy, nô lệ cho tội lỗi là không thể làm gì khác hơn điều tội lỗi sai khiến. Là nô lệ cho tội lỗi, tội nhân là con cái của ma quỷ, mặc dù vẫn là con cái của Đức Chúa Trời theo nghĩa tạo dựng. Con cái có đặc tính của cha mẹ. Con cái của Đức Chúa Trời thì trọng sự thật. Con cái của Satan thì yêu thích nói dối, vì Satan là kẻ nói dối và sát nhân (Giăng 8:44). Có những bậc “thánh hiền” có công đức cao trọng nhưng trong tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời vẫn là con cái của Satan—là cha của sự nói dối, và là kẻ nói dối, nếu người này nói dối. Có những lời nói dối vì sợ mất lòng (như là khi được mời ăn, không muốn ăn, nhưng nói là đã ăn rồi), nhưng đó vẫn là lời nói dối. Có những lời nói dối được xem là “tốt” như nói dối với

bệnh nhân sắp chết là anh ta đang phục hồi, với mục đích trấn an bệnh nhân và thân nhân, nhưng nó vẫn là lời nói dối. Khai gian thuế má cũng là nói dối với chính quyền. Làm chứng gian trước tòa cũng là nói dối. Tuyên bố Việt Nam không đàn áp tôn giáo là một lời nói dối. Gọi dân tộc Việt Nam là giống tiên rồng cũng là một lời nói dối. Điều đáng buồn là rất nhiều người Việt, kể cả một số Cơ-đốc nhân lại hãnh diện về lời nói dối này. Con người có quyền từ chối trả lời nếu định rằng câu trả lời bất lợi cho mình, nhưng mỗi khi nói dối, chúng ta mang vào đặc tính của Satan là cha của kẻ nói dối.

Dù mỗi tội nhân làm được một số công việc "tốt" theo tiêu chuẩn của đời như cha mẹ hy sinh vì con cái, cho con cái quà tốt (Lu-ca 11:13), công dân hy sinh lợi ích cá nhân vì đất nước, bạn bè hàng xóm giúp đỡ nhau, v.v. nhưng theo tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời "*chỉ có một Đấng như lành, là Đức Chúa Trời*" mà thôi (Lu-ca 18:19) và bản chất loài người là ác (Lu-ca 11:13).

Nô lệ cho tội lỗi thì băng hoại về tâm linh. Sứ đồ Phao-lô mô tả sự băng hoại của loài người như sau:

"Chẳng có một người công bình nào hết, dẫu một người cũng không. Chẳng có một người nào hiểu biết, chẳng có một người nào tìm kiếm Đức Chúa Trời. Chúng nó đều sai lạc cả, thấy cùng nhau ra vô ích; chẳng có một người làm điều lành, dẫu một người cũng không. Họng chúng nó như huyết mà mở ra; dùng lưỡi mình để phình gạc; dưới môi chúng nó có nọc rắn hổ mang. Miệng chúng nó đầy những lời nguyện rủa và cay đắng. Chúng nó có chơn nhẹ nhàng đặt làm cho đổ máu. Trên đường lối chúng nó rạc những sự tàn hại và khổ nạn, Chúng nó chẳng hề biết con đường bình an. Chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời ở trước mặt chúng nó." (Rô-ma 3:10-18)

Vì bị cắt đứt khỏi sự sống của Đức Chúa Trời, con cái của ma qui không thể nào hiểu được những bí nhiệm về Đức Chúa Trời: "*Người có **tánh xác thật** không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời; bởi chúng người đó coi sự ấy như là sự đồ dại, và không có thể hiểu được*" (1 Cô-rinh-tô 2:14). "*Tánh xác thật*" theo lời dịch của Phan Khôi

trong nguyên ngữ là *psuchikos*, trong Thánh Kinh tiếng Anh là "natural," tức là "tự nhiên."

Như vậy, một người "tự nhiên," tức là người chưa được tái sinh không hiểu được bí nhiệm của Đức Chúa Trời theo Phao-lô. Có tác giả cho rằng Phao-lô đang nói về Cơ-đốc nhân, tức là người đã tái sinh rồi, nhưng "*sống buông thả theo xác thật*" [2]. Theo chúng tôi, nếu một Cơ-đốc nhân vì sống buông thả theo xác thật nên không hiểu được các điều thuộc linh thì người chưa tin Chúa lại càng không thể hiểu nữa. Trong cả hai trường hợp, nếu đã là *người có tánh xác thật* thì không thể hiểu được các điều thuộc linh. *Người có tánh xác thật* không hiểu được Hội Thánh là Thân Thể và cũng là Nàng Dâu của Đức Chúa Jesus, vì thế họ mặc nhiên bắt bố. *Người có tánh xác thật* không hiểu chồng phải "chết" cho vợ, cũng như Đức Chúa Jesus đã chết cho Hội Thánh. *Người có tánh xác thật* không hiểu trong Hội Thánh và gia đình phải có sự hiệp một. *Người có tánh xác thật* không hiểu mục đích của nghịch cảnh mà Đức Chúa Trời cho phép xảy ra trên thế giới nói chung và đất nước Việt Nam nói riêng. *Người có tánh xác thật* không hiểu được là cả cha và con, vợ và chồng, đầy tớ Chúa và tín đồ bình thường là anh em bình đẳng trước mặt Chúa. Còn rất nhiều điều mà *người có tánh xác thật* không hiểu nữa, nhưng trong phần sau chúng ta sẽ chứng minh bằng Thánh Kinh lẫn thực tế đời sống là họ biết và hiểu một số chân lý về thế giới tâm linh.

Sự hiểu biết về sự băng hoại của loài người quan trọng như điều kiện biên hay hay điều kiện ban đầu của một phương trình vi phân. Điều kiện khác nhau sẽ dẫn đến đáp số khác nhau mặc dù có chung một phương trình. Nói chung, mọi Cơ-đốc nhân đồng ý về tình trạng băng hoại của loài người. Tuy nhiên, chúng ta khác biệt về **mức độ** băng hoại. Có những Cơ-đốc nhân cho rằng tội nhân bị băng hoại **hoàn toàn**. Luận điểm *băng hoại hoàn toàn* (total depravation) là luận điểm thứ nhất trong năm luận điểm của thuyết Calvin, được chiết tự

thành T.U.L.I.P (**T**otal depravation, **U**nconditional love, **L**imited anotement, **I**rresistible grace và **P**reservation of saints) mà Trần Đình Tâm đã có bàn.

3- “Băng hoại” theo Calvin:

Dựa vào Rô-ma 3:10-18, Rô-ma 6:20 và 1 Cô-rinh-tô 2:14, các thần học gia theo Calvin dựng lên luận điểm thứ nhất trong T.U.L.I.P: Băng hoại **hoàn toàn** (hay **total depravation**). Loài người chưa được cứu bằng hoại hoàn toàn nghĩa là:

- 1- Không thể hiểu được những chân lý thuộc linh
- 2- Không thể làm điều gì tốt
- 3- Không thể tự cứu.

Đối với những người theo Calvin, tội nhân là người đã chết thuộc linh như một “khúc gỗ.” Vì thế, họ không thể hiểu Tin Lành khi được người khác giảng cho (1 Cô-rinh-tô 2:14). Vì không hiểu Tin Lành, nên họ không thể tiếp nhận Cứu Chúa Jesus. Vì không thể tiếp nhận Chúa Jesus, nên họ vẫn còn chết tâm linh. Vì thế, để một người được cứu, trước hết họ phải được Đức Chúa Trời từ trước sáng thế “định” là sẽ được cứu. Rồi Ngài phái người tới giảng Tin Lành cho. Để họ hiểu được Tin Lành, Đức Thánh Linh phải tái sinh họ trước, sau đó họ mới có khả năng tiếp nhận Đức Chúa Jesus. Chúng ta có thể minh họa giòng suy luận của thần học gia Calvin về vấn đề này như sau:

Đức Chúa Trời **định** để cứu → Ngài sai người tới giảng Tin Lành; Đức Thánh Linh tái sinh đương sự → Đương sự nghe và hiểu Tin Lành → Đương sự tiếp nhận Đức Chúa Jesus

Nhìn vào hình minh họa trên, tiếp nhận Đức Chúa Jesus **không** là **nguyên nhân** để được cứu mà là **hệ quả** của việc đã được định trước để được cứu theo thần học gia Calvin. Đó là vì tội nhân đã chết thuộc linh như một khúc gỗ rồi thì không thể nào hiểu được điều gì khi được nghe về Tin Lành. Như vậy, cũng theo thuyết Calvin, Giảng 1:12: “*Nhưng hễ ai đã nhận Ngài, thì Ngài ban cho quyền phép trở nên con cái Đức Chúa Trời*” là **hệ quả** của **sự tiền định** vào thiên đàng của Đức Chúa Trời; còn Giảng 1:11: “*Ngài đã đến trong xứ mình, song dân mình chẳng hề nhận lấy*” nói về những người đã “định” trước để vào hỏa ngục. Cả hai người, “định” để vào thiên đàng, hay “định” để vào hỏa ngục không thể làm gì cho đời sau cả vì Đức Chúa Trời đã định trước rồi. Chúng ta cũng nhớ lại hai kẻ trộm bị đóng đinh chung với Chúa (Lu-ca 23:32-43). Một người thì nguyên rủa Chúa; còn người kia thì van xin Chúa nhớ đến ông trên nước trời. Người không tin theo Calvin thì cho rằng kẻ trộm thứ nhất không được cứu vì nguyên rủa Chúa; còn kẻ trộm thứ hai được cứu vì đã van xin Ngài cứu ông. Người tin theo Calvin thì giải thích rằng tên trộm thứ nhất đã bị tiền định vào địa ngục nên mới nguyên rủa Chúa; còn tên thứ hai sở dĩ van xin Ngài vì đã được tiền định vào thiên đàng. Chúng ta có thêm một thí dụ nữa cho sự khác biệt của thuyết Calvin và thuyết phi Calvin. Đó là câu chuyện của người Pha-ri-si và người thu thuế (Lu-ca 18:9-14). Đối với người không tin theo Calvin, người Pha-ri-si không được cứu vì khoác lác về công đức; còn người thu thuế được cứu vì đã đấm ngực xưng tội mình. Còn đối với người tin theo Calvin, sở dĩ người Pha-ri-si khoác lác về công đức của mình vì ông đã bị tiền định để hư mất; còn người thu thuế sở dĩ đấm ngực xưng tội mình vì đã được tiền định để được cứu.

Cùng một hiện tượng nhưng có hai lối giải thích ngược nhau. Nhận xét này cho chúng ta thấy sự hiểu biết về sự băng hoại của loài người quan trọng như thế nào, vì tất cả sự hiểu biết thần học còn lại đều được xây dựng trên giả thiết này.

4- “Băng hoại” theo tác giả:

Có thật một tội nhân bẩm sinh đã chết như một “khúc gỗ” không? Có phải họ không biết, không hiểu bất cứ một chân lý thuộc linh nào không? Theo Thánh Kinh, vũ trụ vật lý làm chứng nhân cho Đấng Tạo Hóa đối với mọi người kể cả người không “**nhận**” Chúa:

*“Vi điều gì có thể biết được về Đức Chúa Trời thì đã trình bày ra cho họ, Đức Chúa Trời đã tỏ điều đó cho họ rồi, bởi những sự trọn lành của Ngài mắt không thấy được, tức là quyền phép đời đời và bền tánh Ngài, thì từ buổi sáng thế vẫn **sờ sờ** như mắt xem thấy, khi người ta xem xét công việc của Ngài. Cho nên họ không thể chữa mình được, vì họ **đều biết Đức Chúa Trời**, mà không làm sáng danh Ngài là Đức Chúa Trời, và không tạ ơn Ngài nữa; song cứ lăm lặc trong lý tưởng hư không, và lòng ngu dốt đầy những sự tối tăm.”* (Rô-ma 1:19-21)

Chúng tôi dùng chữ không “**nhận**” thay cho chữ không “**tin**” vì những người này biết có Đấng Tạo Hóa, là Người đã tạo dựng ra vũ trụ, nhưng đã chối bỏ Ngài để thế vào bằng các lý thuyết tiến hóa. Như vậy, mạc khải của Đức Chúa Trời không chỉ là Thánh Kinh, mà còn chính là vũ trụ chung quanh ta. Tỉ dụ như khi nhìn vào gia phả, chúng ta nhận thấy có cha sinh ra con, ông nội sinh ra cha, ông cố sinh ra ông nội, ông sơ sinh ra ông cố. Cứ như thế lần lên đến khi chúng ta hết chữ để gọi, nhưng trong ý tưởng của chúng ta có người trước mới có người sau. Đây là chứng nhân cho một Cội Nguồn, nhờ đó mới có vũ trụ và tất cả hiện thực ở trong nó.

Nhưng mạc khải của vũ trụ vật lý không vẫn chưa đủ, Đức Chúa Trời còn cho phép mammals đạo đức trong lương tâm con người tồn tại. Nó là chứng nhân thứ hai cho sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Thánh Kinh nói về điều này như sau:

*“Và, dân ngoại vốn **không có luật pháp**, khi họ **tự nhiên** làm những việc luật pháp dạy biểu, thì những người ấy **đều không có luật pháp**, cũng tự nên luật pháp cho mình. Họ tỏ ra rằng việc mà luật pháp dạy biểu **đã ghi trong lòng họ**: chính lương tâm mình làm chứng cho luật pháp, còn ý tưởng mình khi **thì cáo giác mình**, khi thì **binh vực mình**.”* (Rô-ma 2:14, 15)

Dù không được mạc khải một cách đặc biệt về thuộc tính của Đức Chúa Trời, nghĩa là sự thánh là gì, tội lỗi là gì, cái gì Đức Chúa Trời yêu thích, cái gì Ngài ghê tởm, v.v., loài người cũng biết chung chung cái gì nên làm, cái gì nên tránh. Vì thế loài người mới có ý tưởng đi “tu” để tìm về Chân-Thiện-Mỹ, là hình ảnh toàn hảo của A-đam trước khi sa ngã.

Cả hai chứng nhân trên cho loài người một kiến thức tối thiểu và cơ bản về Đức Chúa Trời, mà vì đó họ chịu phán xét sau này. Vì vậy, loài người không thể chạy tội được trong ngày sau rốt. Điều này khá hiển nhiên. Khi nhìn vào văn hoá các dân tộc chúng ta thấy có phần phất các chân lý của Đức Chúa Trời mặc dù chúng bị méo mó vì tội lỗi. Nếu loài người đã chết thuộc linh như một “khúc gỗ” thì tại sao ca dao tục ngữ của Việt Nam lại có những câu như: “*lạy Trời mưa xuống, lấy nước tôi uống*” hay “*lưới Trời lồng lộng, tuy thưa nhưng khó thoát*”? Làm sao người xưa biết người ta có linh hồn, phản ánh trong câu “*Thiên sinh vạn vật duy nhân tối linh*” (nghĩa là “Trời sinh ra muôn loài chỉ duy có loài người là có linh hồn”)? Ai đã gieo các chân lý này vào trong lòng mọi người? Nếu ảnh và tượng của Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 1:26) đã hoàn toàn chết trong loài người thì bằng cách nào loài người có những ý tưởng đó? Vì mang một số chân lý tối thiểu nên loài người mới không thể “*chữa mình*” (tức là bào chữa cho mình) trong ngày phán xét. Điều này cho chúng ta thấy loài người có một vai trò trong sự cứu rỗi của mình, chứ Đức Chúa Trời không “*tiền định*” một cách độc đoán cho ai vào hoả ngục cả. Các chân lý tối thiểu đó là “*vốn liếng*” thuộc linh của con cái loài người. Dùng nó ra sao tùy thuộc vào mỗi người.

Loài người nhờ vào một chút hình và tượng của Đức Chúa Trời còn sót lại biết mình phạm tội, nhưng không biết rõ mình đã nghịch với ai, và cụ thể tội lỗi là gì. Vì vậy trong tất cả mọi

tôn giáo đều có một hình thức công đức và tu tập nào đó để chuộc tội. Như Phật giáo chẳng hạn. Tôn giáo này biết rằng một đời người không dài đủ để làm công quả, và sống ép xác để chuộc tội lỗi của mình. Vì vậy mới họ mới nảy sinh ra triết lý luân hồi, trong đó một người, nhờ vào nghiệp lực, chết đi và đầu thai lại vào một kiếp khác, kiếp này nối tiếp kiếp sau, luân hồi bất tận. Tin vào luân hồi tức là mua thời gian một cách ảo tưởng, để tự nhủ rằng mình luôn luôn còn thì giờ để tự mình chuộc tội cho mình. Luân hồi kéo dài thời gian đến bất tận, và như thế, đẩy sự hiên hữu của Đức Chúa Trời vào hậu trường. Nhưng thực tế thì loài người chỉ có một đời này để sống, và khi chết phải đối diện với sự phán xét ngay. Như vậy, dù loài người bị băng hoại vì tội lỗi, nhưng không **hoàn toàn** băng hoại, vì họ biết mình có tội, chỉ không chấp nhận lỗi giải quyết của Đức Chúa Trời. Một người tin vào luân hồi giống như A-đam, chạy loanh quanh trốn Đức Chúa Trời khi Ngài đi tìm mình.

Câu chuyện người con hoang đàng (Lu-ca 15:11-31) cho chúng ta thấy bản chất và trách nhiệm của tội nhân bẩm sinh. Người con hoang đàng ăn chơi đàng điếm đến đời khổ rách áo ôm. Dù vậy, anh ta vẫn biết mình có một gia đình. Vì không ở với cha, anh ta không biết thương vụ của cha mình. Cụ thể là anh ta không biết cha làm ruộng như thế nào, nuôi gia súc như thế nào, đem sản phẩm mình ra chợ bán như thế nào, đầu tư như thế nào, tiêu pha, dành dụm như thế nào, v.v. Người con hoang đàng không hiểu công chuyện làm ăn của cha mình như thế nào thì *"người có tánh xác thịt không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời"* (1 Cô-rinh-tô 2:14) như thế ấy. Dù vậy, anh ta vẫn còn biết mình nên trở về nhà để xin cha mướn mình như một người ở. Một tội nhân, mặc dù là con cái của Satan theo nghĩa thuộc linh, vẫn là con cái của Đức Chúa Trời theo nghĩa tạo dựng. Đây là người con bỏ nhà đi hoang. Người con trở về nhà cha là hình ảnh của một tội nhân được cứu. Người con bỏ nhà đi không về là hình ảnh của một tội nhân không được cứu. Đây là những tội nhân đè nén chân lý như Phao-lô đã mô tả trong Rô-ma 1. Cả hai hạng người đều mang một số chân lý tối thiểu trong lòng nhưng mỗi người đáp lại sự kêu gọi của Đức Chúa Trời rất khác nhau. Đức Chúa Trời kêu gọi, loài người đáp lời. Đó là một trong các ý chính mà Thánh Kinh từ Sáng Thế Ký đến Khải Huyền đã mạc khải.

Người theo Calvin có một nhãn quan khá lạ về sự nô lệ. Theo chúng tôi, cả người tự do lẫn nô lệ đều có **ý** riêng cả, nhưng người nô lệ **không thể** làm theo ý mình còn người tự do có sự lựa chọn trong **hành động**. Như vậy, người nô lệ cho tội lỗi, mặc dù vẫn có một lương tâm (Rô-ma 2:14-15), nhưng lại làm ngược lại lương tâm mình, vì tội nhân bẩm sinh không thể làm gì khác hơn là phạm tội. Cuộc sống nô lệ của người dân Do Thái trong Ai-cập (Xuất Ê-díp-tô-ký 5), cho chúng ta một hình ảnh của sự nô lệ cho tội lỗi. Dù không thể làm gì khác hơn là quần quật làm gạch (ngay cả gạch không rơm) cho Pha-ra-ô, họ vẫn than khóc về điều này. Sự than khóc này thấu đến Đức Chúa Trời và vì thế Ngài nhớ đến giao ước của Ngài với tổ phụ của họ (Xuất Ê-díp-tô-ký 6:5). Nếu dân Do Thái không than khóc Ngài có nhớ chẳng? Chắc hẳn rồi vì Ngài là đấng toàn tri. Nhưng hình như Ngài đợi cho đến khi họ than khóc mới ra tay. Đức Chúa Trời biết hết, biết trước cả việc dân Ngài sẽ than khóc, nhưng Ngài vẫn đợi cho đến khi họ than khóc để Ngài ra tay. Đây là một nghịch lý cần được bàn rộng ra trong một bài riêng: Mọi nghịch cảnh là do Đức Chúa Trời cho phép xảy ra vì Ngài là Đấng toàn năng, nhưng thái độ của mỗi người trước nghịch cảnh như thế nào là tùy thuộc vào ý chí cá nhân. Người nô lệ, dù là nô lệ tâm linh, hay nô lệ chính trị, để có thể bẻ được xiềng xích mà vùng ra, trước hết phải có lòng ham muốn tự do. Y-sơ-ra-ên đã ham muốn và nhờ sự thương xót của Đức Chúa Trời đã vào đồng vắng.

Đối với người theo Calvin, loài người không dự phần gì hết trong sự cứu rỗi của mình, vì loài người đã chết thuộc linh như một "khúc gỗ." Vì có người sẽ vào thiên đàng, số còn lại đi vào hỏa ngục, nên lời giải thích của thuyết Calvin là Đức Chúa Trời đã tiền định người nào sẽ đi đâu trước khi họ được sinh ra. Nói cho công bằng, "Đức Chúa Trời hoàn toàn tể trị" là một điểm mạnh của thần học Calvin, vì thần gia học Calvin muốn nâng Ngài cao lên địa vị tột cùng. Vì Đức Chúa Trời hoàn toàn tể trị, theo thần học Calvin, nên khi nghe chúng tôi viết rằng *"Ngài vẫn đợi cho đến khi họ than khóc để Ngài ra tay,"* người theo Calvin sẽ có dịp

phản luận vì viết như vậy tức là qui rằng loài người có tham gia vào trong sự cứu rỗi của mình. Nhưng nếu mọi người đều đã được tiền định, số thì lên thiên đàng, số còn lại xuống hỏa ngục, thì tại sao **mọi** trẻ em đều thuộc về nước trời (Lu-ca 18:16)? Nếu mọi trẻ em đều thuộc về nước trời, thì tại sao khi lớn lên chúng phải tiếp nhận Đức Chúa Jesus mới vào đó được? Chuyện gì đã xảy ra khi một đứa bé trở thành người lớn? Từ chỗ "tiền định" để vào thiên đàng khi còn là một đứa bé, tại sao nó lại phải tiếp nhận Đấng Christ khi trở thành người lớn mới vào đó được? Nghĩa là tại sao "tiền định" lại xảy ra tới hai lần? Câu hỏi này chỉ có thể được trả lời thỏa đáng khi chúng ta nhìn nhận rằng, mặc dù một bào thai là một tội nhân vì bị "di truyền thuộc linh," Đức Chúa Trời không bắt đứa trẻ chịu trách nhiệm cho tội lỗi bẩm sinh của nó. Đối với Ngài, một người lớn khác với một đứa trẻ, vì người lớn có trách nhiệm với hành động của mình.

Nếu tội nhân không có một chút vốn liếng thuộc linh nào để hiểu được một số chân lý của Đức Chúa Trời thì tại sao Môi-se lại căn dặn dân Y-sơ-ra-ên dạy lại con cháu họ?

"Và, này là điều răn, luật lệ và mạng lệnh mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi đã phán dặn ta dạy lại cho, để các ngươi làm theo nó trong xứ mà các ngươi sẽ đi vào nhận lấy; hầu cho ngươi kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, trọn đời, ngươi và con cháu ngươi vâng giữ các luật lệ và điều răn của Ngài mà ta truyền cho ngươi, để ngươi được sống lâu ngày. Hỡi Y-sơ-ra-ên, ngươi hãy nghe lấy và cẩn thận làm theo, hầu cho ngươi được phước và thêm lên nhiều trong xứ đượm sữa và mật, y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ ngươi đã phán hứa cùng ngươi." (Phục Truyền Luật Lệ Ký 6:1-3)

Và Giô-sua, là người kế thừa của Môi-se lại căn dặn tiếp trước khi lìa đời: "*Hãy nhớ lại điều Môi-se, tôi tớ Giê-hô-va, đã dặn các ngươi*" (Giô-sua 1:13). Thật sự, vì bản chất sa đọa của loài người nên dân tộc Y-sơ-ra-ên đã sa ngã trong thế hệ đầu tiên sau Giô-suê (Quan xét 2:10-12). Tuy nhiên, Y-sơ-ra-ên vẫn có một cuộc phục hưng lớn trong thời vua A-sa của Giu-đa (Các vua 15:11-15). (Lúc này nước Y-sơ-ra-ên bị chia đôi: Y-sơ-ra-ên ở phía bắc và Giu-đa ở phía nam.) Người theo Calvin sẽ lý luận rằng sở dĩ A-sa làm được cuộc phục hưng đó là vì ông đã được tiền định để được cứu. Nghĩa là hành động đánh dẹp các thần tượng là **hệ quả** của việc ông đã được tiền định để được cứu chứ không phải là **nguyên tố** để được cứu như chúng tôi đã bàn trong trang 3. Tuy nhiên, chúng tôi xin nhắc lại một câu hỏi nền tảng rằng, nếu loài người bị băng hoại hoàn toàn theo Calvin đến nỗi không thể nghe, không thể hiểu, không thể làm theo mạng lệnh nào của Đức Chúa Trời cả thì sự căn dặn của Môi-se và của Giô-suê cho dân Do Thái có công dụng gì? Nếu loài người đã được phân chia trước ra làm hai, một phần lên thiên đàng, còn phần kia xuống hỏa ngục, thì tại sao toàn bộ Thánh Kinh Cựu Ước gọi dân Do Thái ăn năn quay lại với Đức Chúa Trời? Chúng ta nhớ rằng Đức Thánh Linh chỉ đến với Hội Thánh, sau khi Chúa Jesus về trời. Như vậy, Ngài không làm công việc tái sinh trong thời Cựu Ước. Nếu Y-sơ-ra-ên phải được Đức Chúa Thánh Linh tái sinh—theo thần học Calvin—để có thể hiểu lời kêu gọi ăn năn của các tiên tri, thì thật sự việc kêu gọi ấy chỉ là đánh gió mà thôi vì Đức Thánh Linh chỉ làm công việc tái sinh trong Tân Ước.

5- Kết luận:

Tội nhân bẩm sinh, dù bị băng hoại vì tội lỗi, vẫn sở hữu một số chân lý tối thiểu về Đấng Tạo Hoá, và về đạo đức. Đây là cơ sở để Đức Chúa Trời phán xét họ trong ngày sau rốt. Mang vốn liếng này, một tội nhân có hai lựa chọn trước Tin Lành: Một, đáp lại lời kêu gọi của Đức Chúa Trời; Hai, từ khước nó. Đức Chúa Trời kêu gọi, loài người đáp lại là một chủ đề lớn của Thánh Kinh mà chúng ta đọc được từ Sáng Thế Ký cho đến Khải Huyền.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Lê Anh Huy, "Sự phán xét của Đức Chúa Trời dành cho thế gian hư mất," Người Việt Về Nguồn, <http://prayers4vn.net/node/149>
- 2- Trần Đình Tâm, "Sự tiền định của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người," Người Việt Về Nguồn, <http://prayers4vn.net/node/161>, trang 9